

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Phúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ch, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vũ Tr, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Ch trình bày: Bà và ông Nguyễn Vũ Tr có tình cảm, có tổ chức lễ cưới, hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 28/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung với nhau thuận hòa và có với nhau 01 con chung. Đến khoảng năm 2023, ông Tr có dấu hiệu ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã. Ông Tr thường xuyên nhậu nhẹt chửi bới, xúc phạm bà nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Tháng 8 năm 2023, bà về nhà cha mẹ ruột tại xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không hạnh phúc và không còn khả năng hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Tr.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà xác định bà và ông Tr có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 22/6/2015. Hiện tại, con chung đang sinh sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông Tr tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Tr không có nợ ai.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Vũ Tr được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Tr nhưng ông Tr vắng mặt, không có văn bản ý kiến trình bày hay phản đối gì đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật, không tiến hành hòa giải vụ án giữa các đương sự do ông Tr vắng mặt và bà Ch có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Ch khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Nguyễn Vũ Tr. Ông Tr có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Trần Thị Ch có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Vũ Tr đã được Tòa án đã tiến hành tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Tr vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Ch.

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ch và ông Tr tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2015, quyền số 01/2015 đăng ký ngày 28/5/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà Ch và ông Tr là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà Ch và ông Tr đã phát sinh mâu thuẫn và cả hai không còn sống chung với nhau từ tháng 08 năm 2023 cho đến nay như lời bà Ch trình bày. Ông Tr đã được Tòa án đã tiến hành tổng Đ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Tr nhưng ông Tr vẫn không có ý kiến trình bày, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa bà Ch và ông Tr là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được. Xét thấy, bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Tr là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho bà Ch được ly hôn với ông Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà Ch xác định bà Ch và ông Tr có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 22/6/2015. Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 22/6/2015 đã trên 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng là sống chung với bà Ch. Hiện nay, cháu Đ đang sống chung với bà Ch. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tr luôn vắng mặt, không có yêu cầu hay ý kiến gì về yêu cầu được nuôi con chung của bà Ch. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn

định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần tiếp tục giao cháu Đ cho bà Ch được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ch không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản: Do ông Tr vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà Ch xác định bà Ch và ông Tr tự thỏa thuận chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do ông Tr vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà Ch xác định bà Ch và ông Tr tự không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có phát sinh tranh chấp về nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ch về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Vũ Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ch được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Tr.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Ch được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 22/6/2015. Ông Nguyễn Vũ Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Tr hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ch đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007005 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Ch đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng Đ hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An; (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Tiên Phương